

**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,  
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| TT | Số hồ sơ TTHC                                    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <b>Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (24 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1  | 1.012921.H42                                     | Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương                                                                                                                  | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 2  | 1.012687.H42                                     | Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3  | 1.011470.H42                                     | Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4  | 3.000198.H42                                     | Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 5  | 1.007918.H42                                     | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |               | công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư                                                           |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 6  | 1.007917.H42  | Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế                                             | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 7  | 1.007916.H42  | Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 8  | 1.000084.H42  | Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý                    |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 9  | 1.000081.H42  | Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 10 | 1.000071.H42  | Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh                   |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 11 | 1.000058.H42  | Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)    |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                             | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 1.000055.H42  | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức                                                  | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 13 | 1.012692.H42  | Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác                                                   |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 14 | 1.012691.H42  | Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 15 | 1.012689.H42  | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức                                                         |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 16 | 1.012688.H42  | Quyết định giao rừng cho tổ chức                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 17 | 1.012690.H42  | Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 18 | 1.012413.H42  | Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 19 | 3.000160.H42  | Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ                               |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 20 | 3.000159.H42  | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | 3.000152.H42  | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác                                                                                                   | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 22 | 1.004815.H42  | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 23 | 1.000047.H42  | Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 24 | 1.000045.H42  | Xác nhận bảng kê lâm sản.                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

| <b>TT</b>                                        | <b>Số hồ sơ TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                      | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC</b>                                                                                                                                                                                         | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (08 TTHC)</b> |                      |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1                                                | 1.012922.H42         | Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng                                                                                                                                                | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 2                                                | 1.012531.H42         | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3                                                | 3.000250.H42         | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 1.011471.H42  | Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện                                                                               | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |
| 5  | 1.007919.H42  | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 6  | 1.012695.H42  | Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 7  | 1.012694.H42  | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                | Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | 3.000154.H42  | Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

| <b>TT</b> | <b>Số hồ sơ TTHC</b>                             | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                     | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ TTHC</b>                                                                                                                                                                                         | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | <b>Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (01 TTHC)</b> |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1         | 1.012693.H42                                     | Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư | Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình |